

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST
Ngày 17/02/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng
tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đăng Thiện
2. Ông Nguyễn Văn Sâm

- *Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện*

Thọ
Xuân.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Tân - Kiểm sát viên.*

Ngày 17 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T; Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 56/2022/TLST-DS ngày 17 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-DS ngày 01/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn T – Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Ngọc P – Chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

(Theo Giấy ủy quyền số 08/UQ-QTDND ngày 11/10/2022)

Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1970. Vắng mặt;

Địa chỉ: Khu phố X, TT. S, huyện T, Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11 tháng 10 năm 2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Đỗ Ngọc P trình bày:

Ngày 04/5/2020 bà Lê Thị L đã ký với Quỹ tín dụng nhân dân T (gọi tắt là Quỹ tín dụng) Hợp đồng tín dụng số 2020-1-00322/HĐTD để vay số tiền gốc là 50.000.000đ, lãi xuất thỏa thuận 12%/năm, lãi xuất quá hạn 18%/năm, thời hạn vay là 12 tháng với mục đích mua đồ nội thất, trả gốc và lãi hàng tháng, tiền gốc trả nợ làm chia làm 10 kỳ, mỗi kỳ tương ứng là 5.000.000 đ, Quỹ tín dụng cho vay bằng hình thức tín chấp.

Sau khi ký hợp đồng, Quỹ tín dụng đã giao đủ số tiền vay là 50.000.000đ cho bà L. Quá trình thực hiện hợp đồng, tính đến ngày 15/10/2022 bà L mới chỉ thanh toán được cho Quỹ tín dụng tổng số tiền gốc là 34.000.000 đ và tiền lãi là 4.000.000đ. Quỹ tín dụng đã làm việc, nhắc nhở nhiều lần nhưng bà L không có thiện chí trả nợ. Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên từ ngày 05/5/2021 Quỹ tín dụng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc là 14.000.000đ sang nợ quá hạn. Vì vậy Quỹ tín dụng yêu cầu Tòa án buộc bà L phải trả cho Quỹ tín dụng số tiền gồm: nợ gốc 14.000.000đ và nợ lãi tính đến ngày 16/02/2023 là 4.344.000 đ. Tổng cộng gốc và lãi là 18.344.000 đ; Đồng thời buộc bà L phải thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền lãi phát sinh từ ngày 17/02/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ vay theo quy định tại hợp đồng. Ngoài ra Quỹ tín dụng còn yêu cầu phát mãi tài sản hoặc trừ vào lương của bà L nếu bà L không trả nợ theo thỏa thuận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất cho bị đơn là bà L, nhưng bà L đều vắng mặt không có lý do, cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên Tòa án không lấy được lời khai của bà L.

Tại phiên tòa hôm nay bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà L phải trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân T gồm nợ gốc, nợ lãi chưa thanh toán và tiền lãi phát sinh từ ngày 17/02/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ vay theo quy định tại hợp đồng; Không chấp nhận phần đề nghị phát mãi tài sản hoặc khấu trừ vào lương của bà L để thu nợ của

Quỹ tín dụng T; Về án phí: Buộc bà L phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định; Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm định tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn là bà Lê Thị L, cư trú tại khu phố X, thị trấn S, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là bà Lê Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng đều vắng mặt không có lý do; Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét Hợp đồng tín dụng số 2020-1-00322/HĐTD ngày 04/5/2020 và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, thấy rằng:

Hợp đồng tín dụng được Quỹ tín dụng nhân dân T và bà Lê Thị L tự nguyện ký kết, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái với đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng số 2020-1-00322/HĐTD ngày 04/5/2020 giữa Quỹ tín dụng nhân dân T với bà Lê Thị L có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên. Sau khi ký hợp đồng, Quỹ tín dụng đã giao đủ số tiền vay là 50.000.000đ cho bà Lê Thị L. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng tính đến ngày 15/10/2022 bà L mới chỉ thanh toán được cho Quỹ tín dụng tổng số tiền gốc là 34.000.000 đ và tiền lãi là 4.000.000đ, như vậy bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2, Điều 3 của Hợp đồng tín dụng (Điều 2, Điều 3 của Hợp đồng tín dụng quy định: “trả lãi hàng tháng vào ngày nhận tiền vay và trả gốc vào ngày đến hạn” ; “Kỳ hạn trả nợ chia thành 10 kỳ, mỗi kỳ = 5.000.000đ vào ngày 04 hàng tháng, từ ngày 04/7/2020 đến ngày 04/4/2021”), nên việc từ ngày 05/5/2021 Quỹ tín dụng đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc 14.000.000đ sang nợ quá hạn là đúng với quy định. Sau khi chuyển sang dư nợ quá hạn Quỹ tín dụng thường xuyên đôn đốc thu hồi nợ nhưng bà L vẫn không có thiện chí thanh toán.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 2020-1-00322/HĐTD ngày 04/5/2020 do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng, nên việc Quỹ tín dụng nhân dân T yêu cầu bà L phải trả số tiền còn nợ là có căn cứ theo quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015 và Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân T buộc bà Lê Thị L phải thanh toán cho Quỹ tín dụng nhân dân T

số tiền nợ gốc là 14.000.000đ.

[3] Về yêu cầu tính lãi: Theo Hợp đồng tín dụng, lãi xuất các bên thỏa thuận là 12%/năm, lãi xuất quá hạn 18%/năm. Xét thỏa thuận về lãi xuất của các đương sự phù hợp quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam “Quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng”. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà L mới trả lãi cho Quỹ tín dụng được số tiền 4.000.000đ, do đó buộc bà L phải trả cho Quỹ tín dụng tiền nợ lãi tính đến ngày 16/02/2023 là 4.344.000 đ.

[4] Tổng cộng cả gốc và lãi bà Lê Thị L phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T là 18.344.000 đ.

[5] Xét yêu cầu của Quỹ tín dụng buộc bà L phải thanh toán cho Quỹ tín dụng số tiền lãi phát sinh từ ngày 17/02/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ vay theo quy định tại hợp đồng là phù hợp với quy định tại Hợp đồng tín dụng và các quy định của pháp luật dân sự. Do đó, được chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu phát mãi tài sản hoặc khấu trừ vào lương của bà L nếu bà L không trả nợ theo thỏa thuận của Quỹ tín dụng: Tại khoản 1 Điều 5 của Hợp đồng số 2020-1-00322/HĐTD ngày 04/5/2020 thể hiện: “Áp dụng cho vay bằng hình thức tín chấp”. Vì vậy xác định đây là loại hợp đồng cho vay theo hình thức tín chấp, không có bảo đảm bằng tài sản nên yêu cầu này của Quỹ tín dụng là không có cơ sở.

[7] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân T buộc bà L phải trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng đã ký kết được chấp nhận, nên bị đơn là bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân Thới Hải,

Buộc bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền tính đến ngày 16/02/2023 là 18.344.000 đ (*mười tám triệu ba trăm bốn mươi bốn*

ngàn đồng), trong đó: nợ gốc 14.000.000đ, nợ lãi 4.344.000 đ.

Kể từ ngày 17/02/2023 bà Lê Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Tổ chức tín dụng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Tổ chức tín dụng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Tổ chức tín dụng cho vay.

Không chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản hoặc khấu trừ vào lương của bà L của Quỹ tín dụng nhân dân T.

2. Về án phí: Bà Lê Thị L phải chịu 917.200 đ (*chín trăm mười bảy nghìn hai trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Quỹ tín dụng nhân dân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 438.000 đ (*bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/00014498 ngày 17/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- P. kiểm tra nghiệp vụ và THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Ngọc Công